

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

2. Ông Trương Công Định.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thu Q**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: **Số nhà D, ngõ D, đường T, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: **Số nhà D, ngõ D, đường T, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.**

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà D, ngõ D, đường T, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bất đồng quan điểm đỉnh điểm từ giữa năm 2021 anh T vẫn tiếp tục làm ăn mà không nói với chị nên dẫn đến thiệt hại nặng về kinh tế gia đình làm chị thấy không được tôn trọng trong quan hệ vợ chồng. Vợ chồng chị đã được hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Linh C, sinh ngày 25/7/2015 và Nguyễn Đỗ Trường G, sinh ngày 10/11/2017. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi 02 con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị có công việc và thu nhập ổn định, có sự trợ giúp của bố mẹ chị nên chị đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không đi vay chung và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Anh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

* Cháu Nguyễn Linh C trình bày: nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ cháu.

* Bà Phạm Thị Minh H- mẹ đẻ chị Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân và quá trình mâu thuẫn như chị Q trình bày. Gia đình bà có khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Nay chị Q xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Q. Anh Tú và chị Q có 02 con chung hiện nay 02 cháu đang ở với chị Quỳnh N ly hôn, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giao cho chị Q nuôi dưỡng cả 02 con chung vì anh T thường xuyên đi làm ăn xa, chị Q có công việc và thu nhập ổn định có vợ chồng bà phụ giúp

trong việc nuôi con nên chị Q đủ điều kiện để trực tiếp nuôi 02 con.

* Tổ trưởng tổ I, phường T, thành phố T cung cấp: Chị Q và anh T về ở tổ từ năm 2014 có đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, có lần mâu thuẫn căng thẳng tổ dân phố và công an phường phải xuống can thiệp, nguyên nhân mâu thuẫn là về vấn đề kinh tế. Chị Q có đơn xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung như chị Q trình bày anh T đi làm ăn xa, chị Q đủ điều kiện nuôi 2 con nên đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và chị Q giao cả hai con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung anh T chị Q có 01 ngôi nhà ở tổ I phường T, vợ chồng không nợ gì các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Q được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao cho chị Q trực tiếp nuôi cả hai con, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng/con đến khi các con đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, Anh T phải nộp áp phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Q** và anh **T** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nhất là vấn đề làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh Tú không có ý kiến xin đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa chị **Q** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị **Q** được ly hôn anh **T**.

[3] Về quan hệ con cái: Chị **Q** và anh **T** có 02 con chung là **Nguyễn Linh C**, sinh ngày 25/7/2015 và **Nguyễn Đỗ Trường G**, sinh ngày 10/11/2017. Anh Tú hiện đi làm ăn xa và không có ý kiến gì về việc nuôi con, chị **Q** có việc làm và thu nhập ổn định nên khi ly hôn cần chấp nhận sự tự nguyện của chị **Q** và nguyện vọng của cháu **C** giao cho chị **Q** trực tiếp nuôi cả 2 con. Buộc anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị **Q** mỗi con 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị **Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tú không trình bày với Toà án vì vậy không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị **Q** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh **T** phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đỗ Thị Thu Q** được ly hôn anh **Nguyễn Anh T**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị **Đỗ Thị Thu Q** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Nguyễn Linh C**, sinh ngày 25/7/2015 và **Nguyễn Đỗ Trường G**, sinh ngày 10/11/2017. Anh **Nguyễn Anh T** cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị **Đỗ Thị Thu Q** mỗi con 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh **Nguyễn Anh T** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị **Đỗ Thị Thu Q** và anh **Nguyễn Anh T** có quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đỗ Thị Thu Q** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001112 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, chị **Đỗ Thị Thu Q** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Anh **Nguyễn Anh T** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

5. Về quyền kháng cáo: chị **Đỗ Thị Thu Q** và anh **Nguyễn Anh T** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: Ủy ban nhân dân xã Đông Lĩnh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 43 ngày 27/12/2014);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương